

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DSST

Ngày: 10/01/2022

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, TP.HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Yến Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính

2. Bà Lê Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

Đại diện VKS nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 482/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 214/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Duy H, sinh năm 1978

Địa chỉ: 3/8Q Quốc lộ 22, ấp Đình, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị Thúy S, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 62/8M ấp Xuân Thới Đông 1, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2020 và các Biên bản không tiến hành hòa giải được, ông Lưu Duy H trình bày:

Qua quen biết làm ăn nên ngày 22/8/2017, ông H có cho bà S vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày 22/8/2017, lãi suất các bên tự thỏa thuận nhưng thực tế hai bên không tính lãi suất. Hợp đồng vay tiền ngày 22/8/2017 lập tại Văn phòng công chứng Quận 10, Thành phố H. Nhưng từ khi hết thời hạn vay đến nay bà S không có thiện chí trả bất kỳ khoản tiền

nào cho ông H, luôn tìm cách né tránh khóa máy điện thoại khi ông H, liên lạc. Đến thời điểm hiện tại ông H xác định bà S còn nợ ông tổng số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 22/10/2017 đến ngày 22/9/2020 là 169.583.333 đồng, sau đó ông H thay đổi về yêu cầu Tòa án buộc bà S trả lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 23/10/2017 đến khi xét xử. Nay ông H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đỗ Thị Thúy S trả cho ông tổng số tiền gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh từ ngày 23/10/2017 đến ngày khi xét xử theo quy định, thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản tự khai ngày 21/12/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh H xác định việc vay mượn tiền giữa ông H và bà S, bà không biết và đó là tiền riêng của ông H. Bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông H và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết tiếp theo của Tòa án và cam kết không thắc mắc, khiếu nại gì về sau.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng phía bị đơn bà Đỗ Thị Thúy S cố tình vắng mặt không đến Tòa án để tiến hành hòa giải, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn trả nợ gốc và lãi quá hạn cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp giữa ông Lưu Duy H và bà Đỗ Thị Thúy S là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại các Điều 463 đến Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015. Bị đơn trong vụ án là bà Đỗ Thị Thúy S cư trú tại 62/8M ấp Xuân Thới Đông 1, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố H nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Lưu Duy H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Đỗ Thị Thúy S thanh toán số tiền nợ vay là 500.000.000 đồng, thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy chứng cứ nguyên đơn cung cấp khi khởi kiện bị đơn yêu cầu trả nợ là Hợp đồng vay tiền ngày 22/8/2017 lập tại Văn phòng công chứng Quận 10, Thành phố H trong nội dung hợp đồng có thể hiện việc bà S vay của ông H số

tiền là 500.000.000 đồng. Tính đến nay bị đơn chưa thanh toán số tiền vay cho nguyên đơn. Do vậy, ông H yêu cầu bị đơn bà S thanh toán cho ông số tiền 500.000.000 đồng là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên có cơ sở chấp nhận. Do đó, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đã vay là 500.000.000 đồng, theo Hợp đồng vay tiền ngày 22/8/2017 hai bên đã lập tại Văn phòng công chứng Quận 10, Thành phố H để bảo đảm quyền là lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu của bị đơn bà Đỗ Thị Thúy S: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy các bị đơn biết rõ nội dung vụ kiện cũng như yêu cầu trả nợ của nguyên đơn nhưng đã không đến Tòa để giải quyết vụ án. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Do đó, bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của mình và phải chấp nhận số tiền nợ gốc và nợ lãi mà phía nguyên đơn đã đưa ra nên Hội đồng xét xử không có cơ sở ghi nhận và xem xét yêu cầu của bị đơn. Vì vậy cần buộc các bị đơn trả nợ vay cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu của ông H đề nghị Tòa án đưa bà Nguyễn Thị Ánh H tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại Bản tự khai ngày 21/12/2020, bà H xác định việc vay mượn tiền giữa ông H và bà S, bà không biết và đó là tiền riêng của ông H. Bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông H và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết tiếp theo của Tòa án. Hội đồng xét xử nhận thấy bà H không có liên quan đến việc tranh chấp vay tài sản giữa ông H và bà S nên căn cứ vào khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự không đưa bà H vào tham gia tố tụng.

[5] Về lãi suất:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi trong thời hạn vay của hợp đồng(từ ngày 22/8/2017 đến ngày 22/10/2017) do hai bên không thỏa thuận lãi suất. Từ ngày 23/10/2017 đến khi xét xử xong, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy tại hợp đồng vay tiền ngày 22/8/2017 mà nguyên đơn cung cấp, các bên thống nhất thỏa thuận lãi suất theo quy định pháp luật nhưng thực tế hai bên không tính lãi và nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với lãi suất quá hạn từ ngày 23/10/2017 đến ngày tòa xét xử sơ thẩm (ngày 10/01/2022) là 55 tháng 17 ngày. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết 01/2019 /NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì lãi suất được tính như sau:

500.000.000 đồng x 55 tháng 17 ngày x 10%/năm = 231.435.100đồng;

Do bị đơn chưa trả bất kỳ khoản nào cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử buộc bị đơn là bà S có trách nhiệm trả cho ông H số tiền vay và lãi suất tổng cộng là 731.435.100 đồng, thi hành trả hết số tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn bà Đỗ Thị Thúy S bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ Khoản 3 điều 26; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Điều 91, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 01/2019 /NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Duy H về việc yêu cầu bà Đỗ Thị Thúy S trả cho ông H số tiền vay và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Đỗ Thị Thúy S trả cho ông H số tiền vay và lãi suất tổng cộng là 731.435.100 đồng (*Bảy trăm ba mươi một triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn một trăm*) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi là 231.435.100 đồng, thi hành trả hết số tiền trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm: bà Đỗ Thị Thúy S phải chịu 33.257.400 đồng, thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Hoàn trả lại cho ông Lưu Duy H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.391.667 đồng theo Biên lai thu tiền số 0076380 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 06, 07, 07a, 07b và 09

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKDND H.Học Môn;
- Chi cục THADS H.Học Môn;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Yến Ngọc